



Bài tập TIMO: Dãy chữ cái (có lời giải)

12 bài · Lớp 1, 2, 3 · đáp án và lời giải ở cuối

Họ tên _____

Ngày _____



Luyện thêm dạng này trong app Karotto: có giọng đọc đề, gợi ý khi bí. Quét mã hoặc vào playkarotto.com

Lớp 1

1 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

B **D** **F** **H** **?**

(A) I (B) J (C) H (D) K

Đáp số: _____

2 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

P **R** **T** **V** **?**

(A) X (B) V (C) Y (D) W

Đáp số: _____

3 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

R **T** **V** **X** **?**

(A) Y (B) X (C) W (D) Z

Đáp số: _____

4 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

J **M** **P** **S** **?**

(A) V (B) U (C) W (D) Z

Đáp số: _____

Lớp 2

5 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

G **H** **J** **M** **?**

(A) R (B) Q (C) P (D) U

Đáp số: _____

6 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

J L N P ?

(A) S (B) Q (C) R (D) O

Đáp số: _____

7 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

B V C U D ?

(A) U (B) S (C) E (D) T

Đáp số: _____

8 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

A E I M ?

(A) Q (B) U (C) P (D) R

Đáp số: _____

Lớp 3

9 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

R P N L ?

(A) K (B) I (C) M (D) J

Đáp số: _____

10 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

A X B W C ?

(A) W (B) V (C) D (D) U

Đáp số: _____

11 Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

A V B U C ?

(A) D (B) U (C) T (D) S

Đáp số: _____

12

Các chữ cái được xếp theo một quy luật. Chữ cái nào điền vào ô trống?

E	X	F	W	G	?
---	---	---	---	---	---

- | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | H | B | W | C | V | D | U |
|---|---|---|---|---|---|---|---|

Đáp số: _____

Đáp án và lời giải: Dãy chữ cái

1. Đáp số: J · Lớp 1

Cách nghĩ: Đọc bảng chữ cái A, B, C, D, E... rồi đếm xem hai chữ liền nhau trong dãy cách nhau mấy bước.

Lời giải: Mỗi lần tiến 2 bước trên bảng chữ cái. Từ H tiến 2 bước là J.

2. Đáp số: X · Lớp 1

Cách nghĩ: Đọc bảng chữ cái A, B, C, D, E... rồi đếm xem hai chữ liền nhau trong dãy cách nhau mấy bước.

Lời giải: Mỗi lần tiến 2 bước trên bảng chữ cái. Từ V tiến 2 bước là X.

3. Đáp số: Z · Lớp 1

Cách nghĩ: Đọc bảng chữ cái A, B, C, D, E... rồi đếm xem hai chữ liền nhau trong dãy cách nhau mấy bước.

Lời giải: Mỗi lần tiến 2 bước trên bảng chữ cái. Từ X tiến 2 bước là Z.

4. Đáp số: V · Lớp 1

Cách nghĩ: Đọc bảng chữ cái A, B, C, D, E... rồi đếm xem hai chữ liền nhau trong dãy cách nhau mấy bước.

Lời giải: Mỗi lần tiến 3 bước trên bảng chữ cái. Từ S tiến 3 bước là V.

5. Đáp số: Q · Lớp 2

Cách nghĩ: Đọc bảng chữ cái A, B, C, D, E... rồi đếm xem hai chữ liền nhau trong dãy cách nhau mấy bước.

Lời giải: Số bước tăng dần: 1, 2, 3. Lần tiếp theo tiến 4 bước: từ M tiến 4 bước là Q.

6. Đáp số: R · Lớp 2

Cách nghĩ: Đọc bảng chữ cái A, B, C, D, E... rồi đếm xem hai chữ liền nhau trong dãy cách nhau mấy bước.

Lời giải: Mỗi lần tiến 2 bước trên bảng chữ cái. Từ P tiến 2 bước là R.

7. Đáp số: T · Lớp 2

Cách nghĩ: Có hai dãy đan xen nhau. Nhìn riêng các chữ ở vị trí 1, 3, 5, rồi các chữ ở vị trí 2 và 4.

Lời giải: Có hai dãy đan nhau: B, C, D đi xuôi bảng chữ cái, còn V, U đi ngược từ cuối. Ô trống thuộc dãy đi ngược: sau U là T.

8. Đáp số: Q · Lớp 2

Cách nghĩ: Đọc bảng chữ cái A, B, C, D, E... rồi đếm xem hai chữ liền nhau trong dãy cách nhau mấy bước.

Lời giải: Mỗi lần tiến 4 bước trên bảng chữ cái. Từ M tiến 4 bước là Q.

9. Đáp số: J · Lớp 3

Cách nghĩ: Đọc bảng chữ cái A, B, C, D, E... rồi đếm xem hai chữ liền nhau trong dãy cách nhau mấy bước.

Lời giải: Mỗi lần lùi 2 bước trên bảng chữ cái. Từ L lùi 2 bước là J.

10. Đáp số: V · Lớp 3

Cách nghĩ: Có hai dãy đan xen nhau. Nhìn riêng các chữ ở vị trí 1, 3, 5, rồi các chữ ở vị trí 2 và 4.

Lời giải: Có hai dãy đan nhau: A, B, C đi xuôi bảng chữ cái, còn X, W đi ngược từ cuối. Ô trống thuộc dãy đi ngược: sau W là V.

11. Đáp số: T · Lớp 3

Cách nghĩ: Có hai dãy đan xen nhau. Nhìn riêng các chữ ở vị trí 1, 3, 5, rồi các chữ ở vị trí 2 và 4.

Lời giải: Có hai dãy đan nhau: A, B, C đi xuôi bảng chữ cái, còn V, U đi ngược từ cuối. Ô trống thuộc dãy đi ngược: sau U là T.

12. Đáp số: V · Lớp 3

Cách nghĩ: Có hai dãy đan xen nhau. Nhìn riêng các chữ ở vị trí 1, 3, 5, rồi các chữ ở vị trí 2 và 4.

Lời giải: Có hai dãy đan nhau: E, F, G đi xuôi bảng chữ cái, còn X, W đi ngược từ cuối. Ô trống thuộc dãy đi ngược: sau W là V.